

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Đề án “Chuyển giao cho doanh nghiệp, các tổ chức xã hội có đủ năng lực đảm nhiệm một số nhiệm vụ và dịch vụ hành chính công mà các cơ quan hành chính nhà nước không nhất thiết phải thực hiện trong lĩnh vực giao thông vận tải”**

### **BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Quyết định số 53/QĐ-BCĐCCHC ngày 13/02/2018 của Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính của Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch hoạt động năm 2018 của Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 613/QĐ-BGTVT ngày 27/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc giao nhiệm vụ triển khai Kế hoạch hoạt động năm 2018 của Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính của Chính phủ;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Đề án “Chuyển giao cho doanh nghiệp, các tổ chức xã hội có đủ năng lực đảm nhiệm một số nhiệm vụ và dịch vụ hành chính công mà các cơ quan hành chính nhà nước không nhất thiết phải thực hiện trong lĩnh vực giao thông vận tải” (sau đây gọi tắt là Đề án), gồm các nội dung:

#### **I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU, PHẠM VI ĐỀ ÁN**

##### **1. Mục tiêu**

a) Cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực giao thông vận tải.

b) Xây dựng chính quyền phục vụ, tinh gọn bộ máy, giảm tải và nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực giao thông vận tải cho người dân và doanh nghiệp;

c) Mục tiêu cụ thể: lựa chọn được một số nhiệm vụ, dịch vụ hành chính công hoặc một số khâu trong thủ tục hành chính có thể chuyển giao cho doanh nghiệp, tổ chức xã hội có đủ năng lực tham gia thực hiện.

## **2. Yêu cầu**

a) Nâng cao chất lượng, hiệu quả dịch vụ hành chính công, bảo đảm công khai, minh bạch, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp trong việc tiếp cận, thực hiện dịch vụ hành chính công;

b) Bảo đảm an ninh, an toàn, trật tự xã hội, không buông lỏng vai trò quản lý nhà nước trong lĩnh vực giao thông vận tải;

c) Nhà nước vẫn thực hiện song song, cơ quan nhà nước vẫn làm cùng doanh nghiệp để người dân, doanh nghiệp có thể lựa chọn phương thức phù hợp với mình.

## **3. Phạm vi nghiên cứu**

Đề án nghiên cứu trong phạm vi các dịch vụ hành chính công (được thể hiện bằng 482 thủ tục hành chính) thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giao thông vận tải.

## **II. NỘI DUNG**

1. Duy trì và mở rộng việc thực hiện tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính theo quy định tại Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích.

2. Duy trì, mở rộng chuyển giao nhiệm vụ, dịch vụ hành chính công khác, cụ thể:

a) Lĩnh vực đường sắt: Chuyển giao cho các tổ chức có đủ điều kiện thực hiện một phần [sát hạch lý thuyết, sát hạch thực hành (thực hành khám máy, thực hành lái tàu)] đối với nhóm thủ tục hành chính liên quan đến cấp giấy phép lái tàu được thực hiện trên cơ sở quy định tại Thông tư số 33/2018/TT-BGTVT ngày 15/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền hạn đối với các chức danh nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu; nội dung, chương trình đào tạo chức danh nhân viên đường sắt trực

tiếp phục vụ chạy tàu; điều kiện, nội dung, quy trình sát hạch và cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép lái tàu trên đường sắt.

b) Lĩnh vực đường thủy nội địa: Chuyển giao toàn bộ cho các doanh nghiệp có đủ điều kiện thực hiện 04 thủ tục hành chính về cấp, cấp lại giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng; chứng chỉ chuyên môn đặc biệt; chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản;

c) Lĩnh vực hàng không: Chuyển giao một phần việc thực hiện 01 thủ tục “Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kỹ thuật đối với thiết bị, phương tiện chuyên ngành hàng không được sản xuất, lắp ráp, cải tiến tại Việt Nam” cho tổ chức tư nhân kiểm định chất lượng có đủ điều kiện, được cấp Giấy phép theo quy định của pháp luật;

d) Lĩnh vực đường bộ: Chuyển giao toàn bộ việc thực hiện thủ tục hành chính cho các doanh nghiệp có đủ điều kiện thực hiện đối với 03 thủ tục hành chính về cấp, cấp lại, cấp đổi chứng chỉ Thảm tra viên an toàn giao thông đường bộ.

*(Danh mục TTHC chuyển giao được chi tiết tại phụ lục kèm theo Quyết định).*

### **III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

**1. Đối với việc chuyển giao thực hiện tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính theo quy định tại Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg**

Thống kê, tổng kết và đánh giá hiệu quả việc tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính trong lĩnh vực giao thông vận tải trong thời gian qua.

Rà soát, nghiên cứu đề xây dựng, ban hành Quyết định mới thay thế Quyết định số 2244/QĐ-BGTVT ngày 31/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải công bố danh mục thủ tục hành chính thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải.

Các cơ quan, đơn vị giải quyết thủ tục hành chính ký kết thỏa thuận với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bưu chính để triển khai thực hiện.

**2. Đối với việc chuyển giao nhiệm vụ, dịch vụ hành chính công khác**

a) Nghiên cứu, đề xuất cơ quan có thẩm quyền ban hành tiêu chí cho các đơn vị tham gia cung ứng dịch vụ hành chính công đối với từng thủ tục cụ thể, trường hợp cần thiết phải bổ sung danh mục điều kiện kinh doanh đối với các



doanh nghiệp tham gia cung ứng dịch vụ hành chính công trong lĩnh vực giao thông vận tải trình Chính phủ, Quốc hội thông qua.

Xây dựng cơ chế kiểm tra, giám sát đối với hoạt động của các doanh nghiệp, tổ chức tham gia cung ứng dịch vụ hành chính công trong lĩnh vực giao thông vận tải.

b) Xây dựng cơ chế khuyến khích, ưu tiên đối với các doanh nghiệp, tổ chức tham gia thực hiện trong thời gian đầu triển khai (ví dụ: ưu đãi về thuế, hỗ trợ trong việc đào tạo nguồn nhân lực, hỗ trợ trong công tác truyền thông đưa thương hiệu của doanh nghiệp đến người sử dụng dịch vụ,...).

c) Sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

d) Tuyên truyền, phổ biến

- Xây dựng kế hoạch tuyên truyền, phổ biến chính sách, kêu gọi các doanh nghiệp tham gia cung ứng dịch vụ hành chính công trong lĩnh vực giao thông vận tải, đặc biệt là các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực giao thông vận tải và doanh nghiệp trong lĩnh vực bưu chính, cụ thể:

+ Thông tin về các lĩnh vực, danh mục cụ thể các thủ tục hành chính được lựa chọn để chuyển giao cho các doanh nghiệp cùng thực hiện.

+ Thông tin về định hướng các yêu cầu, điều kiện mà doanh nghiệp khi muốn tham gia cần phải đáp ứng.

- Tuyên truyền cho người dân các nội dung xã hội hoá dịch vụ hành chính công một cách thường xuyên, sinh động, đa dạng và hiệu quả trên các phương tiện truyền thông (thông tin về các thủ tục hành chính được chuyển giao cho doanh nghiệp cùng thực hiện, phương thức tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ của doanh nghiệp, lợi ích khi sử dụng dịch vụ hành chính công thông qua doanh nghiệp). Qua đó, người dân, tổ chức biết đến dịch vụ hành chính công thực hiện xã hội hóa và các lợi ích của các dịch vụ đó đem lại, để tham gia tích cực trong việc sử dụng các dịch vụ này.

đ) Kiểm tra, giám sát

Tăng cường kiểm tra, giám sát đối với các doanh nghiệp, tổ chức xã hội trong việc thực hiện dịch vụ hành chính công.

Đối với những dịch vụ đã thực hiện chuyển giao cho doanh nghiệp trong thời gian vừa qua, cần tiến hành khảo sát, đánh giá cụ thể và nghiên cứu cơ chế kiểm soát của nhà nước cho phù hợp, đảm bảo ngăn chặn nguy cơ phát sinh tiêu cực trong giải quyết thủ tục hành chính, đặc biệt những tiêu cực bắt nguồn từ mục đích lợi nhuận.

Trên cơ sở đó tiến hành rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan để quy định chế độ thông tin, báo cáo và trách nhiệm giải trình của các đơn vị thực hiện dịch vụ. Xây dựng cơ chế giám sát và đẩy mạnh công tác kiểm tra, thanh tra để kịp thời xử lý nghiêm, kịp thời những hiện tượng tiêu cực trong hoạt động cung cấp dịch vụ hành chính công.

#### **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ LỘ TRÌNH**

##### **1. Văn phòng Bộ**

a) Chủ trì, phối hợp với các Vụ, Cục, Tổng cục xây dựng, trình Bộ trưởng ban hành Quyết định thay thế Quyết định số 2244/QĐ-BGTVT ngày 31/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải công bố danh mục thủ tục hành chính thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải – Thời gian thực hiện trong năm 2019;

b) Theo dõi, đôn đốc các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc triển khai thực hiện Đề án, tổng kết kết quả thực hiện Đề án.

##### **2. Vụ Pháp chế**

Tổng hợp vào Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Bộ việc sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật tại Mục III phù hợp với lộ trình thực hiện.

##### **3. Các Cục, Tổng Cục**

a) Xây dựng Đề án chi tiết đối với từng nhóm thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực do cơ quan, đơn vị mình phụ trách để triển khai thực hiện, trong đó:

- Nghiên cứu, xây dựng các tiêu chí cho doanh nghiệp tham gia cung ứng đối với từng dịch vụ hành chính công.

- Đề xuất sửa đổi, bổ sung nội dung cụ thể của các văn bản quy phạm pháp luật (hệ thống pháp luật về giao thông vận tải cũng như pháp luật về đầu tư).

- Xây dựng cơ chế khuyến khích, ưu tiên đối với các doanh nghiệp, tổ chức tham gia thực hiện trong thời gian đầu triển khai (ví dụ: ưu đãi về thuế, hỗ trợ trong việc đào tạo nguồn nhân lực, hỗ trợ trong công tác truyền thông đưa thương hiệu của doanh nghiệp đến người sử dụng dịch vụ,...).

Thời gian thực hiện năm 2019.

b) Xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch tuyên truyền, phổ biến về chính sách chuyển giao các dịch vụ hành chính công trong lĩnh vực do cơ quan, đơn vị

mình phụ trách cho các doanh nghiệp, tổ chức có đủ năng lực thực hiện – Thời gian thực hiện giai đoạn 2019-2021;

c) Phối hợp với Tổng công ty Bưu chính Việt Nam trong việc tập huấn cho nhân viên Bưu điện trong việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (*Thường xuyên*);

d) Báo cáo tình hình thực hiện Đề án khi có yêu cầu.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Cục trưởng các Cục thuộc Bộ, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *ngv*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội Vụ;
- Đảng ủy Bộ GTVT;
- Các Sở GTVT;
- Công TTĐT, Báo GTVT;
- Lưu: VT, VP (KSTTHC).

**KT.BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Nguyễn Ngọc Đông**

**Phụ lục**  
**Danh mục các thủ tục hành chính chuyển giao cho các doanh nghiệp,**  
**tổ chức có đủ năng lực thực hiện**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2932/QĐ-BGTVT ngày 28 tháng 12 năm 2018)*

STT	Tên thủ tục	Phương thức chuyển giao	
		Chuyển giao một phần	Chuyển giao toàn bộ
<b>I- Lĩnh vực đường sắt</b>			
1	Nhóm thủ tục hành chính liên quan đến cấp giấy phép lái tàu được thực hiện trên cơ sở quy định tại Thông tư số 33/2018/TT-BGTVT	<b>x</b>	
<b>II- Lĩnh vực đường thủy nội địa</b>			
1	Dự thi, kiểm tra lấy giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng hạng ba, hạng tư, máy trưởng hạng ba, chứng chỉ chuyên môn nghiệp vụ (đối với địa phương chưa có cơ sở dạy nghề) và chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản thuộc Sở Giao thông vận tải.		<b>x</b>
2	Cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng hạng ba, hạng tư, máy trưởng hạng ba và chứng chỉ nghiệp vụ (đối với địa phương chưa có cơ sở dạy nghề) và chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản thuộc Sở Giao thông vận tải.		<b>x</b>
3	Dự thi lấy giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhất, hạng nhì trong phạm vi toàn quốc; Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn từ thuyền trưởng hạng tư, máy trưởng hạng ba trở lên đối với các cơ sở dạy nghề trực thuộc Cục Đường thủy nội địa Việt Nam và dự kiểm tra lấy chứng chỉ chuyên môn đặc biệt		<b>x</b>
4	Cấp, cấp lại, chuyển đổi Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhất, hạng nhì trong phạm vi toàn quốc; Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng		<b>x</b>

	từ hạng tư trở lên, máy trưởng từ hạng ba trở lên đối với các cơ sở dạy nghề trực thuộc Cục Đường thủy nội địa Việt Nam và chứng chỉ chuyên môn đặc biệt		
<b>III- Lĩnh vực hàng không</b>			
1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kỹ thuật đối với thiết bị, phương tiện chuyên ngành hàng không được sản xuất, lắp ráp, cải tiến tại Việt Nam (GCN)	<b>x</b>	
<b>IV- Lĩnh vực đường bộ</b>			
1	Cấp chứng chỉ Thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ		<b>x</b>
2	Cấp đổi chứng chỉ Thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ		<b>x</b>
3	Cấp lại chứng chỉ Thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ		<b>x</b>
<b>V – Lĩnh vực đăng kiểm (Tiếp tục duy trì các thủ tục đã xã hội hóa)</b>			
<b>VI - Lĩnh vực hàng hải (Tiếp tục duy trì các thủ tục đã xã hội hóa)</b>			



## PHẦN 1. MỞ ĐẦU

### I. Bối cảnh

Hoạt động hành chính nhà nước đóng vai trò quan trọng trong việc bảo đảm trật tự của xã hội, duy trì sự phát triển xã hội theo định hướng của nhà nước. Chính vì vậy, nâng cao chất lượng hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước là yêu cầu và mong muốn của mọi quốc gia. Cải cách hành chính nhà nước nhằm tăng cường hiệu lực và hiệu quả quản lý của bộ máy hành chính nhà nước trong quá trình quản lý các mặt của đời sống xã hội, trước hết là quản lý, định hướng và điều tiết sự phát triển kinh tế - xã hội và duy trì trật tự của xã hội theo mong muốn của Nhà nước.

Xu hướng cải cách hành chính ở các nước phát triển ngày nay, cải cách hành chính nhà nước là một lĩnh vực được hầu hết các nước trên thế giới quan tâm. Nhiều quốc gia coi cải cách hành chính là một yếu tố hết sức quan trọng để thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời thông qua cải cách hành chính nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Nhà nước; tăng khả năng phát triển kinh tế - xã hội. Có thể nhận thấy một trong những xu hướng chung của cải cách hành chính trên thế giới hiện nay là hướng tới làm thế nào xây dựng một chính phủ gọn nhẹ hơn để có thể vận động một cách nhanh nhạy hơn và hiệu quả hơn, hướng tới phục vụ tốt hơn các nhu cầu và lợi ích hợp pháp của mỗi công dân và cả xã hội.

Nội dung của xu hướng cải cách này là đưa tinh thần doanh nghiệp và các yếu tố của thị trường vào hoạt động của nhà nước, vận dụng các nguyên tắc và phương pháp quản lý doanh nghiệp vào tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước, đặc biệt vào quản lý cơ quan hành chính nhằm nâng cao tính kinh tế, hiệu lực và hiệu quả của hoạt động hành chính.

Ở Việt Nam, tư tưởng về xã hội hoá dịch vụ công được hình thành từ Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ tư (khoá VII) và được chính thức đưa vào trong văn kiện Đại hội Đảng VIII "*Các vấn đề chính sách xã hội đều giải quyết theo tinh thần xã hội hoá. Nhà nước giữ vai trò nòng cốt đồng thời động viên mỗi người dân, các doanh nghiệp, các tổ chức trong xã hội, các cá nhân và tổ chức nước ngoài cùng tham gia giải quyết các vấn đề xã hội*".

Nghị quyết Đại hội Đảng IX đã khẳng định: “Các chính sách xã hội được tiến hành theo tinh thần xã hội hoá, đề cao trách nhiệm của chính quyền các cấp, huy động các nguồn lực trong nhân dân và sự tham gia của các đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội”. Văn kiện Đại hội Đảng X tiếp tục cụ thể hóa: “Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục và đào tạo” và “Xúc tiến xã hội hóa các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thông tin với bước đi thích hợp cho từng loại hình, từng vùng”. Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X “Về tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa” đã khẳng định “Nhà nước tiếp tục tăng đầu tư cho giáo dục, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, đặc biệt là cho những vùng nghèo, người nghèo, bảo đảm những dịch vụ cơ bản cho nhân dân. Đồng thời đẩy mạnh xã hội hóa, vận dụng hợp lý những mặt tích cực của cơ chế thị trường”.

Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng tiếp tục nhấn mạnh: “Hoàn thiện hệ thống chính sách và cơ chế cung ứng dịch vụ công thích ứng với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Nhà nước không ngừng nâng cao mức bảo đảm các dịch vụ công cộng thiết yếu cho nhân dân. Đặc biệt, tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, việc xã hội hóa dịch vụ công được nhất quán thực hiện theo cơ chế thị trường, cơ chế doanh nghiệp về năng lực quản trị và hiệu quả hoạt động, thực hiện giá trị thị trường theo lộ trình, kể cả việc cho thuê cơ sở vật chất, tài sản của Nhà nước để kinh doanh cung ứng dịch vụ công”.

Thể chế hoá chủ trương của Đảng, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 90/NQ-CP ngày 21/8/1997 về phương hướng và chủ trương xã hội hoá các hoạt động giáo dục, y tế và văn hoá; Nghị định số 73/1999/NĐ-CP về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao. Ở Việt Nam, trong Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2001-2010 của Chính phủ, vấn đề dịch vụ công được đề cập rất cụ thể: “Xây dựng quan niệm đúng đắn về dịch vụ công. Nhà nước có trách nhiệm chăm lo đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân, nhưng không phải vì thế mà mọi công việc về dịch vụ công đều do cơ quan nhà nước trực tiếp đảm nhiệm. Trong từng lĩnh vực cần định rõ những công việc mà Nhà nước phải đầu tư và trực tiếp thực hiện, những công việc cần chuyển giao cho các tổ chức xã hội đảm nhiệm”.

Nghị quyết 53/2007/NQ-CP ngày 7/11/007 của Chính phủ trong Chương trình Hành động thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 về đẩy mạnh cải cách nền hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước

là một chủ trương lớn trong giai đoạn hiện nay và đã đạt được những thành công nhất định.

Nhà nước đã chú trọng đổi mới và nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ hành chính công, coi đó là một khâu quan trọng trong thực hiện chương trình cải cách nền hành chính nhà nước theo hướng hiện đại, chuyên nghiệp. Nhiều bộ ngành, địa phương đã áp dụng các phương tiện kỹ thuật điện tử, công nghệ thông tin để nâng cao chất lượng dịch vụ công như trong hoạt động cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cấp phép đầu tư, cấp đăng ký xe máy, giấy chứng minh thư nhân dân...; tổ chức đấu thầu các dự án chi tiêu công; hỏi đáp pháp luật. Rà soát để loại bỏ những thủ tục hành chính không cần thiết, các giấy phép con gây phiền hà cho người dân và doanh nghiệp khi tiếp cận dịch vụ hành chính công, rút ngắn thời gian cung ứng dịch vụ... Đặc biệt là việc tinh giản biên chế, sáp nhập các đơn vị hành chính theo hướng tinh gọn, thí dụ: việc sáp nhập một số cơ quan hành chính tại Bộ Công Thương, sáp nhập các phòng đăng ký kinh doanh tại Sở Kế hoạch - Đầu tư TP. Hà Nội...

Người dân và doanh nghiệp được tạo thuận lợi trong những việc cần giải quyết với cơ quan nhà nước, như đăng ký kinh doanh, làm thủ tục hộ tịch, tìm hiểu luật pháp...

Sự kết hợp giữa Nhà nước với các thành phần kinh tế trong hoạt động cung cấp dịch vụ công đang trở nên phổ biến. Hoạt động cung cấp dịch vụ thu phí vốn do nhà nước thực hiện, đang được chuyển dịch dần sang khu vực tư (thí dụ các văn phòng công chứng tư), Nhà nước chỉ đóng vai trò xúc tiến.

*Như vậy, theo tinh thần các văn kiện của Đảng và Nhà nước, xã hội hoá chính là huy động nguồn lực từ trong nhân dân và sự tham gia của người dân vào việc giải quyết các vấn đề thuộc chính sách xã hội của Nhà nước, nhưng không làm giảm vai trò, trách nhiệm của nhà nước trong việc đảm bảo các dịch vụ công cơ bản cho người dân.*

Tiếp tục thực hiện chủ trương xã hội hóa dịch vụ công, ngày 01/01/2018, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2018 về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2018, trong đó giao nhiệm vụ cho các Bộ, ngành nghiên cứu và xây dựng “Đề án chuyển giao cho doanh nghiệp, các tổ chức xã hội có đủ năng lực đảm nhiệm một số nhiệm vụ và dịch vụ hành chính công mà các cơ quan hành chính nhà nước không nhất thiết phải thực hiện”. Do đó, việc nghiên cứu xây dựng Đề án chuyển giao cho doanh nghiệp, các tổ chức xã hội có đủ

năng lực đảm nhiệm một số nhiệm vụ và dịch vụ hành chính công mà các cơ quan hành chính nhà nước không nhất thiết phải thực hiện trong lĩnh vực giao thông vận tải là cần thiết để thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, đẩy mạnh cải cách hành chính trong lĩnh vực giao thông vận tải.

## **II. Cơ sở pháp lý**

1. Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020.

2. Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2018 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2018.

3. Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích.

4. Quyết định số 53/QĐ-BCĐCCHC ngày 13/02/2018 của Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính của Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch hoạt động năm 2018 của Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính của Chính phủ.

5. Quyết định số 613/QĐ-BGTVT ngày 27/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc giao nhiệm vụ triển khai Kế hoạch hoạt động năm 2018 của Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính của Chính phủ.

6. Quyết định số 949/QĐ-BGTVT ngày 09/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải thành lập Ban Chỉ đạo của Bộ Giao thông vận tải về xây dựng “Đề án chuyển giao cho doanh nghiệp, các tổ chức xã hội có đủ năng lực đảm nhiệm một số nhiệm vụ và dịch vụ hành chính công” trong lĩnh vực giao thông vận tải.

## **PHẦN 2. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU, PHẠM VI NGHIÊN CỨU**

### **I. Mục tiêu Đề án**

Đề án được xây dựng nhằm các mục tiêu sau:

- Cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực giao thông vận tải.

- Xây dựng chính quyền phục vụ, tinh gọn bộ máy, giảm tải và nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực giao thông vận tải cho người dân và doanh nghiệp.

- Mục tiêu cụ thể: lựa chọn được một số nhiệm vụ, dịch vụ hành chính công hoặc một số khâu trong thủ tục hành chính có thể chuyển giao cho doanh nghiệp, tổ chức xã hội có đủ năng lực tham gia thực hiện.

### **II. Yêu cầu**

Việc xây dựng và thực hiện Đề án phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả dịch vụ hành chính công, bảo đảm công khai, minh bạch, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp trong việc tiếp cận, thực hiện dịch vụ hành chính công.

- Bảo đảm an ninh, an toàn, trật tự xã hội, không buông lỏng vai trò quản lý nhà nước trong lĩnh vực

- Nhà nước vẫn thực hiện song song các thủ tục hành chính để đảm bảo quyền lựa chọn của người dân tránh phát sinh khoảng trống trong giai đoạn đầu chuyển giao giải quyết thủ tục hành chính.

### **III. Phạm vi nghiên cứu**

Đề án nghiên cứu trong phạm vi các dịch vụ hành chính công (được thể hiện bằng 482 thủ tục hành chính) thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giao thông vận tải.



## PHẦN 3. NỘI DUNG ĐỀ ÁN

### I. Đánh giá thực trạng dịch vụ hành chính công trong ngành giao thông vận tải

#### 1. Dịch vụ hành chính công

Hiện nay, kinh tế - xã hội, khoa học - công nghệ đang phát triển mạnh mẽ, đặc biệt là xu thế dân chủ hóa, toàn cầu hóa và hội nhập đang đặt ra những yêu cầu, đòi hỏi đối với nhà nước trong việc cung ứng dịch vụ công ngày càng cao hơn. Nhà nước không còn là một bộ máy quyền lực đứng trên nhân dân và cai trị nhân dân, mà phải có trách nhiệm phục vụ nhân dân, thể hiện bằng các hoạt động cung ứng dịch vụ công cho nhân dân và các tổ chức.

*“Dịch vụ công là những hoạt động phục vụ các lợi ích chung, thiết yếu, các quyền và nghĩa vụ cơ bản của tổ chức và công dân do Nhà nước trực tiếp thực hiện hoặc chuyển giao cho các cơ sở ngoài Nhà nước thực hiện nhằm mục tiêu hiệu quả và công bằng”.* Dịch vụ công là những hoạt động của cơ quan nhà nước trong việc thực thi chức năng quản lý hành chính nhà nước và bảo đảm cung ứng các hàng hóa công cộng phục vụ nhu cầu chung, thiết yếu của xã hội. Việc tiến hành hoạt động ấy có thể do nhà nước hoặc tư nhân đảm nhiệm.

Xét theo lĩnh vực cung ứng dịch vụ, dịch vụ công gồm 3 loại: dịch vụ công trong lĩnh vực sự nghiệp; dịch vụ công trong lĩnh vực công ích và dịch vụ công trong lĩnh vực hành chính nhà nước hay còn gọi là dịch vụ hành chính công.

Dịch vụ hành chính công, là loại dịch vụ gắn liền với chức năng quản lý nhà nước nhằm đáp ứng yêu cầu của người dân. Đây là một phần trong chức năng quản lý nhà nước. Để thực hiện chức năng này, nhà nước phải tiến hành những hoạt động phục vụ trực tiếp như cấp giấy phép, giấy chứng nhận, đăng ký, công chứng, thị thực, hộ tịch,...

Dịch vụ hành chính công Việt Nam bao gồm các đặc trưng sau:

*Thứ nhất*, việc cung ứng dịch vụ hành chính công luôn gắn với thẩm quyền mang tính quyền lực pháp lý, gắn với các hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước trong việc cấp các loại giấy phép, giấy khai sinh, chứng minh thư nhân dân; công chứng, xử lý và xử phạt hành chính, kiểm tra, thanh tra hành chính... Loại dịch vụ này chỉ có thể do các cơ quan hành chính nhà nước thực hiện.

*Thứ hai*, phục vụ cho hoạt động quản lý của Nhà nước. Dịch vụ hành chính công bản thân nó không thuộc về chức năng quản lý nhà nước, song lại là những hoạt động nhằm phục vụ cho chức năng quản lý. Dịch vụ hành chính công là những dịch vụ mà nhà nước bắt buộc và khuyến khích người dân phải làm để bảo đảm trật tự và an toàn xã hội. Nhu cầu được cấp các loại giấy tờ trên không xuất phát từ nhu cầu tự thân của họ, mà xuất phát từ những quy định có tính chất bắt buộc của nhà nước. Càng nhiều người sử dụng dịch vụ hành chính công thì càng tạo điều kiện cho hoạt động quản lý nhà nước được thực hiện tốt hơn.

*Thứ ba*, dịch vụ hành chính công là những hoạt động không vụ lợi, nếu có thu tiền thì thu dưới dạng lệ phí để nộp ngân sách nhà nước. Lệ phí không mang tính chất bù đắp hao phí lao động cho bản thân người cung cấp dịch vụ, mà chủ yếu là nhằm tạo ra sự công bằng giữa người sử dụng dịch vụ với người không sử dụng dịch vụ.

*Thứ tư*, mọi người dân có quyền ngang nhau trong việc tiếp cận và sử dụng các dịch vụ hành chính công với tư cách là đối tượng phục vụ của chính quyền. Nhà nước có trách nhiệm và nghĩa vụ cung cấp dịch vụ để phục vụ cho mọi người dân, không phân biệt đó là người như thế nào.

Dịch vụ hành chính công Việt Nam có những đặc trưng riêng gắn với từng loại hình riêng biệt, cụ thể là:

*Một là*, hoạt động cấp các loại giấy phép. Giấy phép là một loại giấy tờ do các cơ quan hành chính nhà nước cấp cho các tổ chức và công dân để thừa nhận về mặt pháp lý quyền của các chủ thể này được tiến hành một hoạt động nào đó phù hợp với các quy định của pháp luật trong lĩnh vực được cấp phép.

*Hai là*, cấp các loại giấy xác nhận, chứng thực, bao gồm: công chứng, cấp chứng minh thư nhân dân, giấy khai sinh, khai tử, giấy đăng ký kết hôn, giấy phép lái xe, đăng ký ô tô, xe máy, tàu thuyền...

*Ba là*, cấp giấy đăng ký kinh doanh và chứng chỉ hành nghề... Giấy đăng ký kinh doanh được cấp cho chủ thể kinh doanh khi thành lập doanh nghiệp hoặc cơ sở kinh doanh. Giấy phép hành nghề nhằm chứng minh chủ thể có đủ khả năng và điều kiện hoạt động theo quy định của pháp luật đối với một nghề nhất định nào đó, thí dụ: giấy phép hành nghề luật sư, hành nghề khám chữa bệnh...

*Bốn là*, hoạt động thu các khoản đóng góp vào ngân sách và các quỹ của Nhà nước. Các hoạt động này gắn với nghĩa vụ mà Nhà nước yêu cầu các chủ thể trong xã hội phải thực hiện.

*Năm là*, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân và xử lý các vi phạm hành chính. Hoạt động này nhằm bảo vệ các quyền cơ bản của công dân trong mối quan hệ giữa cơ quan hành chính nhà nước với công dân.

Mỗi dịch vụ hành chính công gắn liền với một thủ tục hành chính để giải quyết hoàn chỉnh một công việc cụ thể liên quan đến tổ chức, cá nhân. Thủ tục hành chính là *“Trình tự, cách thức giải quyết công việc của cơ quan hành chính nhà nước có thẩm quyền trong mối quan hệ nội bộ hành chính và mối quan hệ giữa cơ quan hành chính nhà nước với tổ chức công dân”*. Thủ tục hành chính được quy định để các cơ quan nhà nước có thể thực hiện các hoạt động quản lý nhà nước, có vai trò quan trọng trong đời sống xã hội, ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp và đời sống nhân dân. Thông qua thủ tục hành chính, các cá nhân, tổ chức thực hiện được quyền lợi, nghĩa vụ của mình đồng thời các cơ quan hành chính nhà nước thực hiện chức năng quản lý nhà nước.

## **2. Dịch vụ hành chính công trong ngành giao thông vận tải**

Mỗi dịch vụ hành chính công gắn liền với một thủ tục hành chính để giải quyết hoàn chỉnh một công việc cụ thể liên quan đến tổ chức, cá nhân. Hiện nay, tổng số thủ tục hành chính của ngành Giao thông vận tải hiện nay là 482 thủ tục, trong đó: lĩnh vực đường bộ: 100 thủ tục; lĩnh vực đường sắt: 17 thủ tục; lĩnh vực đăng kiểm: 73 thủ tục; lĩnh vực đường thủy nội địa: 62 thủ tục; lĩnh vực hàng không: 117 thủ tục; lĩnh vực hàng hải: 102 thủ tục; lĩnh vực khác: 11 thủ tục.

Thực hiện chủ trương cải cách hành chính của Đảng, Nhà nước, trong những năm qua công tác cải cách thủ tục hành chính đã được các cơ quan, đơn vị của Bộ chú trọng thực hiện, cụ thể:

Các thủ tục hành chính sau khi được ban hành tại các văn bản quy phạm pháp luật đều được Bộ Giao thông vận tải thực hiện công bố, cập nhật và công khai lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính. Hiện nay, tất cả các thủ tục hành chính trong lĩnh vực giao thông vận tải đều được công khai trên cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính để người dân, doanh nghiệp tra cứu và thực hiện. Ngoài ra, còn được đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử của Bộ,

Trang thông tin điện tử của các Tổng cục, các Cục và được niêm yết đầy đủ tại các đơn vị trực tiếp giải quyết thủ tục hành chính.

Việc rà soát cắt giảm, đơn giản hóa các thủ tục hành chính được thực hiện thường xuyên, trọng tâm là bãi bỏ các thủ tục hành chính không cần thiết, không còn phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành, đơn giản hóa thành phần hồ sơ, giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính. Đặc biệt trong 03 năm qua, Bộ đã thực hiện 02 lần tổng rà soát các thủ tục hành chính trong ngành giao thông vận tải để lên phương án cắt giảm đơn giản hóa các thủ tục hành chính, cụ thể: Ngày 06/5/2015, Bộ ban hành Quyết định số 1570/QĐ-BGTVT phê duyệt phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực giao thông vận tải, theo đó cắt giảm 79 thủ tục hành chính và đơn giản hóa 228 thủ tục hành chính. Đến nay, về cơ bản, Bộ đã hoàn thành phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính theo Quyết định nêu trên. Ngày 07/6/2018, Bộ ban hành Quyết định số 1182/QĐ-BGTVT phê duyệt Phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực giao thông vận tải. Theo Quyết định, số thủ tục được cắt giảm, đơn giản hóa là 201 thủ tục hành chính/Tổng số 486 thủ tục hành chính của Bộ đạt 41,3% (cắt giảm 35 thủ tục hành chính, đơn giản hóa 166 thủ tục hành chính). Hiện nay, Bộ đã và đang triển khai thực hiện phương án trên. Nhờ việc đẩy mạnh công tác này, số lượng thủ tục hành chính của Bộ đã giảm theo từng năm (*số lượng thủ tục hành chính năm 2016: 525 thủ tục hành chính; năm 2017: 501 thủ tục hành chính và hiện nay là 482 thủ tục hành chính*), nhiều thủ tục đã được đơn giản hóa về hồ sơ và rút ngắn thời gian giải quyết.

Để tăng khả năng tiếp cận thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp, phương thức thực hiện thủ tục hành chính được mở rộng hơn. Những năm qua, Bộ đã đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin vào giải quyết thủ tục hành chính nhiều thủ tục đã được nâng cấp lên mức độ 3 và 4 thậm chí có thủ tục được thực hiện thông qua tin nhắn điện thoại (thủ tục cho tàu thuyền vào, rời cảng, bến thủy nội địa). Hiện nay, số lượng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 của Bộ là 302/482 thủ tục hành chính, trong đó số dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 là 178 dịch vụ, số dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 là 124 dịch vụ. Bên cạnh đó, Bộ đã yêu cầu các cơ quan, đơn vị trực thuộc tăng cường thực hiện tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ (ngày 31/7/2017 Bộ Giao thông vận tải đã ban hành Quyết định số 2244/QĐ-BGTVT công bố danh mục thủ tục hành chính thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải); ban hành

các Quyết định thí điểm thực hiện một số thủ tục hành chính theo hướng giảm bớt một số giấy tờ, giảm bớt một số khâu của thủ tục hành chính phù hợp với điều kiện thực tế để tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp như Quyết định số 2537/QĐ-BGTVT ngày 15/8/2016 về việc thí điểm đăng ký làm thủ tục vào, rời cảng bến thủy nội địa bằng tin nhắn, Quyết định số 2903/QĐ-BGT ngày 12/8/2015 của Bộ GTVT về thí điểm thủ tục vào, rời cảng bến cho phương tiện thủy du lịch... Nhờ các giải pháp trên, nhiều thủ tục đã được đồng đảo người dân, doanh nghiệp gửi hồ sơ trực tuyến hoặc qua bưu chính mà không phải đến trực tiếp trụ sở của các cơ quan có thẩm quyền giải quyết nên giảm được thời gian, chi phí khi thực hiện thủ tục hành chính.

### **3. Thực trạng xã hội hóa dịch vụ hành chính công trong ngành giao thông vận tải**

Xã hội hóa dịch vụ hành chính công là vận động và tổ chức sự tham gia rộng rãi của nhân dân trong toàn xã hội vào hoạt động cung cấp dịch vụ hành chính công nhằm từng bước nâng cao mức hưởng thụ về dịch vụ của nhân dân.

Mỗi dịch vụ hành chính công gắn liền với một thủ tục hành chính để giải quyết hoàn chỉnh một công việc cụ thể liên quan đến tổ chức, cá nhân. Thủ tục hành chính là một quy trình gồm nhiều bước khác nhau: gửi hồ sơ; tiếp nhận, thẩm định hồ sơ; quyết định giải quyết và trả kết quả (gồm cả việc thu phí, lệ phí nếu có). Chuyển giao thực hiện nhiệm vụ, dịch vụ hành chính công cho doanh nghiệp, tổ chức xã hội đảm nhận là một hình thức xã hội hóa dịch vụ hành chính công. Việc chuyển giao này có thể là chuyển giao một khâu cụ thể trong quy trình giải quyết thủ tục hành chính hoặc chuyển giao toàn bộ quy trình này.

Trong những năm qua, thực hiện chủ trương xã hội hóa dịch vụ công nói chung, dịch vụ hành chính công nói riêng, việc chuyển giao nhiệm vụ, dịch vụ hành chính công cho doanh nghiệp, tổ chức xã hội thực hiện đã được đẩy mạnh điển hình như :trong lĩnh vực tư pháp, các cơ sở công chứng tư đã hình thành để thực hiện các dịch vụ công chứng, chứng thực; Tổng công ty bưu điện tham gia vào việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính; các ngân hàng tham gia vào việc thu phí, lệ phí trong giải quyết thủ tục hành chính...

Ngành Giao thông vận tải với 05 lĩnh vực Đường bộ, Đường thủy nội địa, Đường sắt, Hàng hải, Hàng không là ngành có tính xã hội hóa cao. Do đó, số lượng thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ nhiều (482 thủ tục hành chính), tác động nhiều đến người dân, doanh nghiệp. Trong những năm qua,



việc chuyển giao chuyển giao nhiệm vụ, dịch vụ hành chính công cho doanh nghiệp, tổ chức xã hội thực hiện cũng đã được triển khai, cụ thể:

a) *Đẩy mạnh việc thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho Tổng công ty bưu chính Việt Nam thực hiện:*

Hiện nay, số lượng các hồ sơ thủ tục hành chính trên cả nước rất lớn, lên tới hàng trăm nghìn mỗi ngày. Nhằm khắc phục các hạn chế của việc cung cấp các dịch vụ hành chính công, đáp ứng tốt hơn yêu cầu của người dân, Chính phủ và các cơ quan hành chính đã có các chủ trương, biện pháp để cải cách hành chính nhưng hầu hết người dân vẫn phải trực tiếp đến bộ phận một cửa, bộ phận một cửa liên thông, Trung tâm Hành chính công để nộp hồ sơ và nhận kết quả. Việc người dân đến trụ sở cơ quan giải quyết thủ tục hành chính để nộp hồ sơ và nhận kết quả không chỉ trở thành một áp lực đối với cơ quan giải quyết thủ tục hành chính mà người thực hiện thủ tục cũng làm mất thời gian, công sức cũng như chi phí đi lại, nhất là những người dân ở vùng sâu, vùng xa.

Để cải thiện cách thức thực hiện, đổi mới phương thức phục vụ nhân dân, gia tăng sự lựa chọn cho tổ chức, cá nhân trong thực hiện thủ tục hành chính, ngày 19/10/2016 Thủ tướng Chính phủ đã ký ban hành Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích. Theo đó, nếu như trước đây người dân, doanh nghiệp chỉ nộp hồ sơ và nhận kết quả từ cơ quan nhà nước thì hiện nay, người dân, doanh nghiệp được lựa chọn, có thể nộp hồ sơ và nhận kết quả từ cơ quan nhà nước hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích. Hai mô hình này cùng tồn tại song song tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

Tổng công ty bưu chính Việt Nam, với mạng lưới đơn vị trải khắp cả nước, sau 02 năm thực hiện, việc thực hiện tiếp nhận hồ sơ và chuyển trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích đã tạo ra sự chuyển biến mạnh mẽ trong giải quyết thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính, tăng sự lựa chọn của tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện thủ tục hành chính. Khi cơ quan hành chính không chịu áp lực quá lớn về việc giải quyết thủ tục hành chính thì các chuyên viên tại cơ quan này cũng sẽ giành nhiều thời gian để tập trung làm tốt các công việc chuyên môn của đơn vị hơn. Bên cạnh đó, việc tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức qua dịch vụ bưu chính công ích không chỉ giúp tiết kiệm chi phí và giảm thời gian đi lại cho người dân, giải quyết yêu cầu bức xúc của người dân, mà còn giảm tình trạng tiêu cực, sách nhiễu trong giải quyết thủ tục hành chính. Ngoài ra nếu giảm số lượng phương tiện tham gia giao thông và thời gian

đi lại để đến cơ quan hành chính làm các thủ tục cũng sẽ góp phần giảm đáng kể tình trạng ách tắc và tai nạn giao thông trên cả nước.

Thực hiện Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ, Bộ đã ban hành Quyết định số 2244/QĐ-BGTVT ngày 31/7/2017 công bố danh mục 105 thủ tục hành chính thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải.

Việc thực hiện tiếp nhận, trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích trong ngành giao thông về cơ bản đã đạt được lợi ích mà dịch vụ này đem lại như đã nêu ở trên. Tuy nhiên, bên cạnh đó còn có một số tồn tại, khó khăn như: công tác thông tin tuyên truyền đến từng người dân tại các xã, phường vẫn chưa được sâu, rộng nên người dân chưa biết đến dịch vụ để sử dụng. Bên cạnh đó, phần lớn người dân vẫn có thói quen đến trực tiếp các cơ quan giải quyết thủ tục hành chính để làm trực tiếp, tâm lý còn e ngại và chưa quen khi đến Bưu điện để gửi hồ sơ và nhận kết quả thủ tục hành chính; Một số thủ tục hành chính (TTHC) có yêu cầu cao về mặt hồ sơ, trong khi nhân viên bưu chính chưa được tập huấn nhiều dẫn đến còn nhiều lúng túng khi tiếp nhận hồ sơ; một số cơ quan hành chính mặc dù đã ký kết thỏa thuận hợp tác cung cấp dịch vụ qua Bưu điện nhưng chưa chỉ đạo quyết liệt đến các bộ phận để triển khai nên việc phối hợp chưa hiệu quả.

#### b) Chuyển giao dịch vụ hành chính công

Bên cạnh việc chuyển giao một số khâu trong thực hiện dịch vụ hành chính công, một số dịch vụ hành chính công trong lĩnh vực giao thông vận tải đã được chuyển giao cho doanh nghiệp, tổ chức xã hội thực hiện (***đã chuyển giao 15 TTHC/482 TTHC đạt 3,1%***), cụ thể:

***Lĩnh vực đăng kiểm:*** Đã thực hiện xã hội hóa, chuyển cho các tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật hay còn gọi là các đơn vị đăng kiểm thực hiện **04 TTHC/73TTHC đạt 5,5%**, gồm các thủ tục:

- Cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo;
- Cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong kiểm tra lưu hành xe chở người bốn bánh có gắn động cơ;
- Cấp Giấy chứng nhận lưu hành, tem lưu hành cho xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ;

- Cấp Giấy chứng nhận, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

*Lĩnh vực đường thủy nội địa:* Cục Đường thủy nội địa Việt Nam đã thực hiện chuyển giao cho các cơ sở đào tạo thực hiện **02 TTHC/62 TTHC đạt 3,2%**, gồm các thủ tục:

- Dự kiểm tra lấy chứng chỉ nghiệp vụ và chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản thuộc thẩm quyền của cơ sở đào tạo.

- Cấp, cấp lại, chuyển đổi chứng chỉ nghiệp vụ huấn luyện an toàn cơ bản thuộc thẩm quyền của cơ sở dạy nghề.

*Lĩnh vực hàng không:* Cục Hàng không Việt Nam đã thực hiện chuyển giao cho doanh nghiệp, tổ chức xã hội thực hiện **01 TTHC/117 TTHC đạt 0,8%** là “Thủ tục Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kỹ thuật đối với thiết bị, phương tiện chuyên ngành hàng không được sản xuất, lắp ráp, cải tiến tại Việt Nam”, theo quy định tại Điều 51 Thông tư 17/2016/TT-BGTVT.

- Đối tượng chuyển giao: tổ chức tư nhân kiểm định chất lượng (có đủ điều kiện, được cấp GP theo quy định của PL).

- Phương thức chuyển giao: Tổ chức tư nhân kiểm định chất lượng (có đủ điều kiện, được cấp GP theo quy định của PL) thực hiện kiểm tra, thử nghiệm, đánh giá sản phẩm theo tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng và cấp biên bản kiểm tra (Giấy chứng nhận đủ tiêu chuẩn).

*Lĩnh vực đường bộ:* đã chuyển giao cho doanh nghiệp, tổ chức thực hiện **02 TTHC/100 TTHC đạt 2%** gồm:

- Cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng;

- Cấp đổi, cấp lại chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng.

*Lĩnh vực hàng hải:* đã chuyển giao cho doanh nghiệp bảo đảm an toàn hàng hải thực hiện **06 TTHC/102 TTHC đạt 5,8%**, gồm các thủ tục về thiết lập báo hiệu hàng hải quy định tại Nghị định số 58/2017/NĐ-CP(vì để công báo thông báo hàng hải cần có thông số kỹ thuật tại luồng gồm:

- Công bố thông báo hàng hải định kỳ về các thông số kỹ thuật của luồng hàng hải, vùng nước trước cầu cảng và các khu nước, vùng nước đối với luồng

hàng hải chuyên dùng, vùng nước trước cầu cảng và khu chuyên tải chuyên dùng được công bố định kỳ;

- Công bố thông báo hàng hải lần đầu về các thông số kỹ thuật của luồng hàng hải, vùng nước trước cầu cảng và các khu nước, vùng nước sau khi xây dựng, nạo vét duy tu, cải tạo, nâng cấp;

- Công bố thông báo hàng hải về công trình ngầm, công trình vượt qua luồng hàng hải;

- Công bố thông báo hàng hải về việc thay đổi đặc tính, tạm ngừng, phục hồi, chấm dứt hoạt động của báo hiệu hàng hải;

- Công bố thông báo hàng hải về khu vực thi công công trình trên biển hoặc trên luồng hàng hải;

- Công bố thông báo hàng hải về thiết lập mới báo hiệu hàng hải.

#### **4. Ưu, nhược điểm của việc xã hội hóa dịch vụ hành chính công**

Việc chuyển giao các thủ tục hành chính cũng như chuyển giao một số khâu trong quy trình giải quyết thủ tục hành chính cho các doanh nghiệp, tổ chức xã hội thực hiện trong thời gian qua đã mang lại nhiều hiệu quả, cụ thể:

- Nhiều thủ tục hành chính trước đây chỉ có cơ quan nhà nước thực hiện, việc chuyển giao một số khâu trong giải quyết thủ tục hành chính cho các doanh nghiệp, tổ chức xã hội thực hiện trong thời gian qua đã tạo ra mô hình nhà nước và doanh nghiệp cùng song song thực hiện thủ tục hành chính tạo thuận tiện cũng như tăng thêm sự lựa chọn cho người dân, doanh nghiệp.

- Giảm bớt gánh nặng cho các cơ quan quản lý nhà nước trong việc giải quyết các thủ tục hành chính, bộ máy nhà nước được tinh gọn hơn, giảm chi ngân sách. Đây cũng là giải pháp quan trọng để thực hiện chính sách công bằng xã hội trong chiến lược phát triển kinh tế, xã hội của Đảng và nhà nước vì nhà nước có thể dùng nguồn ngân sách vốn hạn hẹp để đầu tư cho các vùng khó khăn, các đối tượng chính sách.

- Xã hội hóa dịch vụ hành chính công làm nâng cao chất lượng dịch vụ; tăng tính công khai, minh bạch; thời gian giải quyết thủ tục hành chính nhanh chóng, thuận tiện tạo thuận lợi hơn cho người dân, doanh nghiệp trong việc thực hiện giải quyết thủ tục hành chính.

Bên cạnh những kết quả đạt được, dịch vụ hành chính công Việt Nam còn tồn tại một số hạn chế, bất cập như:

- Đa số các doanh nghiệp hoạt động vì mục tiêu lợi nhuận vì vậy quá trình hoạt động tiềm ẩn nguy cơ chạy theo lợi nhuận dẫn đến vi phạm một số quy định của pháp luật trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Chưa có sự thống kê, đánh giá chính thức của cơ quan nhà nước về mức độ hiệu quả cũng như những bất cập, rủi ro trong quá trình thực hiện để có thể đưa ra những biện pháp ngăn chặn phù hợp. Do vậy, công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm của nhà nước đối với hoạt động của các doanh nghiệp cung ứng dịch vụ hành chính công chưa được thực hiện bài bản và có hiệu quả.

- Một trong những điều kiện quan trọng để triển khai việc xã hội hóa dịch vụ hành chính công là có doanh nghiệp đáp ứng tiêu chí về cơ sở vật chất, chất lượng nguồn nhân lực, đặc biệt ngành giao thông vận tải có nhiều lĩnh vực mang tính đặc thù, chuyên ngành phức tạp ảnh hưởng lớn đến vấn đề an ninh, an toàn xã hội nên đòi hỏi các doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chí khắt khe hơn. Tuy nhiên, trên thực tế số lượng doanh nghiệp đáp ứng được các tiêu chí trên còn hạn chế, đặc biệt là tiêu chí về nguồn nhân lực (trình độ nhân viên của một số doanh nghiệp được chuyển giao thực hiện thủ tục hành chính hay một số nhiệm vụ trong quy trình giải quyết thủ tục hành chính chưa đáp ứng được yêu cầu của việc giải quyết thủ tục hành chính) gây khó khăn cho việc triển khai trên thực tế.

- Chưa xây dựng tiêu chí cụ thể đối với các đơn vị cung cấp dịch vụ hành chính công trong từng lĩnh vực. Ngoài ra, việc xác định tiêu chí cũng dẫn đến sự thay đổi các quy định của pháp luật về điều kiện kinh doanh đối với doanh nghiệp, thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đầu tư, do vậy cần nhiều thời gian để chỉnh sửa văn bản quy phạm pháp luật, làm chậm quá trình triển khai trên thực tế.

- Kinh phí thủ được từ việc cung cấp dịch vụ hành chính công chủ yếu là phí, lệ phí. Những khoản thu này không cao, thu không đủ chi nên chưa thu hút được các doanh nghiệp tham gia cung ứng dịch vụ hành chính công.

## **5. Bài học kinh nghiệm**

Dịch vụ hành chính công là những hoạt động của nhà nước để định hướng, điều tiết các hành vi của công dân và tổ chức trong xã hội theo một trật tự do nhà nước quy định. Mỗi một dịch vụ hành chính công gắn liền với một thủ tục hành chính nhất định. Để thực hiện thủ tục đó, nhà nước phải tổ chức bộ máy và bố trí kinh phí để thực hiện. Trong khi ngân sách nhà nước còn eo hẹp và khối lượng dịch vụ công lớn so với năng lực thực thi của nhà nước dẫn đến chất lượng cung ứng dịch vụ kém chất lượng. Vì vậy không chỉ riêng Việt Nam mà



hầu hết các nước trên thế giới đều thấy rõ cần thiết phải xã hội hóa dịch vụ hành chính công.

Từ thực tiễn việc chuyển giao cũng như những ưu điểm, nhược điểm của việc chuyển giao các thủ tục hành chính, một số nhiệm vụ trong quy trình giải quyết thủ tục hành chính, có thể đúc kết một số bài học kinh nghiệm trong việc chuyển giao cho các doanh nghiệp, tổ chức xã hội như sau:

- Cần đa dạng các hình thức tham gia của doanh nghiệp, không nhất thiết phải chuyển giao hoàn toàn mà có thể kêu gọi doanh nghiệp tham gia một số bước phù hợp với năng lực của doanh nghiệp, tận dụng được lợi thế về địa bàn hoạt động, lĩnh vực kinh doanh của doanh nghiệp (ví dụ: việc tham gia tích cực của doanh nghiệp bưu chính trong tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính,...)

- Cần xây dựng các tiêu chí phù hợp đối với các doanh nghiệp tham gia cung ứng dịch vụ hành chính công trong lĩnh vực giao thông vận tải để bảo đảm chất lượng giải quyết thủ tục hành chính cũng như giúp doanh nghiệp có căn cứ để hoạch định, định hướng phát triển đáp ứng yêu cầu nếu muốn tham gia vào lĩnh vực này.

- Cần xây dựng được các tiêu chí chung cũng như tiêu chí cụ thể trong việc lựa chọn các thủ tục hành chính để chuyển giao cho doanh nghiệp, tổ chức xã hội thực hiện nhằm bảo đảm tính khả thi, hiệu quả khi triển khai trên thực tế (ví dụ như: tiêu chí về nhu cầu cao từ phía người dân, doanh nghiệp; có tính hấp dẫn đối với doanh nghiệp (mức thu bảo đảm có lãi) và phải có doanh nghiệp, tổ chức xã hội đủ năng lực (cơ sở vật chất, kỹ thuật, trình độ nhân lực...);

- Xây dựng cơ chế khuyến khích, ưu tiên đối với các doanh nghiệp, tổ chức tham gia thực hiện trong thời gian đầu triển khai (ví dụ: ưu đãi về thuế, hỗ trợ trong việc đào tạo nguồn nhân lực, hỗ trợ trong công tác truyền thông đưa thương hiệu của doanh nghiệp đến người sử dụng dịch vụ,...).

- Xây dựng cơ chế giám sát, thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm có hiệu quả để bảo đảm an ninh, an toàn, trật tự xã hội, không buông lỏng quản lý nhà nước khi chuyển giao cho tư nhân thực hiện.

- Có kế hoạch chi tiết cụ thể việc chuyển giao cho doanh nghiệp đối với từng thủ tục hành chính để bảo đảm tính chủ động cho nhà nước, doanh nghiệp cũng như người dân, đặc biệt qua tâm đến công tác tuyên truyền, phổ biến, cung cấp thông tin về cách thức, lộ trình triển khai thực hiện.

## **II. Nguyên tắc đề xuất lựa chọn**

Việc lựa chọn nhiệm vụ, dịch vụ hành chính công để chuyển giao cho doanh nghiệp, tổ chức xã hội thực hiện phải đảm bảo các nguyên tắc:

1. Phù hợp với đường lối chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.
2. Tuân thủ các điều ước Quốc tế mà Việt Nam tham gia, các quy định của pháp luật.
3. Tạo thuận lợi cho cá nhân, tổ chức trong việc thực hiện thủ tục hành chính (không làm tăng thời gian, chi phí, tăng đầu mối thực hiện thủ tục hành chính...) nhưng vẫn bảo đảm được vai trò quản lý của nhà nước.

### **III. Xác định tiêu chí lựa chọn thủ tục hành chính có thể xã hội hóa**

#### **1. Tiêu chí lựa chọn thủ tục hành chính có thể chuyển giao cho doanh nghiệp, tổ chức xã hội**

- Là thủ tục hành chính có nhu cầu cao từ phía người dân, doanh nghiệp, số lượng thủ tục hành chính giải quyết trong năm nhiều.
- Có tính hấp dẫn đối với doanh nghiệp (mức thu bảo đảm có lãi, phù hợp với lợi thế ngành nghề kinh doanh của doanh nghiệp...).
- Có doanh nghiệp, tổ chức xã hội đủ năng lực (cơ sở vật chất, kỹ thuật, trình độ nhân lực, kinh nghiệm,...) quan tâm và tham gia.
- Đảm bảo an ninh, an toàn, trật tự xã hội, không buông lỏng quản lý nhà nước khi chuyển giao cho tư nhân thực hiện.

#### **2. Xác định những thủ tục hành chính không thể chuyển giao toàn bộ cho các tổ chức, doanh nghiệp. Doanh nghiệp chỉ có thể tham gia một phần (ví dụ: tiếp nhận hồ sơ hoặc trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính)**

- Thủ tục chính quyền buộc phải thực hiện theo quy định của Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên;
- Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh, cấp giấy phép hoạt động cho tổ chức, doanh nghiệp;
- Thủ tục có liên quan đến yếu tố nước ngoài, vận tải qua biên giới;
- Thủ tục thực hiện chức năng tổ chức giao thông (công bố hạn chế giao thông, công bố mở tuyến luồng, công bố đóng, mở cảng hàng không...);
- Thủ tục thực hiện chức quản lý phương tiện giao thông (đăng ký phương tiện...);
- Thủ tục chấp thuận chủ trương, phê duyệt Chương trình, kế hoạch, thông báo, xác nhận... của cơ quan nhà nước.

#### **V. Rà soát, đề xuất nhiệm vụ, dịch vụ hành chính có thể chuyển giao cho doanh nghiệp, tổ chức xã hội thực hiện**

Căn cứ tiêu chí lựa chọn, trên cơ sở rà soát các thủ tục hành chính và kết quả thực hiện xã hội hóa trong thời gian qua, đề xuất chuyển giao cho doanh nghiệp, tổ chức xã hội thực hiện một số nhiệm vụ, dịch vụ hành chính công sau:

**1. Duy trì và mở rộng việc thực hiện tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính theo quy định tại Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg**

Với những lợi ích của việc thực hiện thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích như trên cần tiếp tục duy trì, đồng thời rà soát và nhân rộng hình thức này đối với các thủ tục hành chính khác. Trước mắt, để đảm bảo tính khả thi tập trung vào các thủ tục có hồ sơ đơn giản, số lượng thủ tục nhiều. Danh mục thủ tục thực hiện theo Phụ lục tại Quyết định số 2244/QĐ-BGTVT ngày 31/7/2017 của Bộ trưởng về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải (phụ lục kèm theo).

**2. Duy trì, mở rộng chuyển giao nhiệm vụ, dịch vụ hành chính công khác**

Tiếp tục duy trì sự tham gia của các doanh nghiệp tổ chức, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ, dịch vụ hành chính công như hiện nay. Đồng thời, mở rộng chuyển giao nhiệm vụ, dịch vụ hành chính công khác, cụ thể:

STT	Tên thủ tục	Phương thức chuyển giao		Cơ sở lựa chọn	Ghi chú
		Chuyển giao một phần	Chuyển giao toàn bộ		
<b>I-Lĩnh vực đường sắt</b>					
1	Nhóm thủ tục hành chính liên quan đến cấp giấy phép lái tàu được thực hiện trên cơ sở quy định tại Thông tư số 33/2018/TT-BGTVT	x		- Có doanh nghiệp có khả năng đáp ứng nhu cầu: Hiện nay có 5 xí nghiệp đầu máy và 15 công ty Cổ phần đường sắt thuộc Tổng công ty ĐSVN và 05 đơn vị đường sắt chuyên dùng tham gia sát hạch. Các đơn vị này có đủ điều kiện về cơ sở vật chất, máy móc để thực hiện sát hạch.	- Cục Đường sắt VN chấp thuận các tổ chức có đủ điều kiện thực hiện sát hạch lý thuyết, sát hạch thực hành (khám máy, lái tàu). - Căn cứ kết quả sát hạch của các đơn vị nêu trên Cục Đường sắt VN sẽ cấp giấy phép lái tàu theo quy định..

				- Phí: 100.000 đồng/01 lần cấp. - Số lượng giải quyết hàng năm khoảng 100 hồ sơ.	
<b>II-Lĩnh vực đường thủy nội địa</b>					
1	Dự thi, kiểm tra lấy giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng hạng ba, hạng tư, máy trưởng hạng ba, chứng chỉ chuyên môn nghiệp vụ (đối với địa phương chưa có cơ sở dạy nghề) và chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản thuộc Sở Giao thông vận tải		<b>x</b>	- Có Doanh nghiệp có khả năng đáp ứng yêu cầu (mạng lưới cơ sở đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa được hình thành và phát triển mạnh mẽ rộng khắp trên toàn quốc, phân bố trên các miền Bắc, Trung, Nam – 34 cơ sở; cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật, đội ngũ giáo viên, nội dung, chương trình đào tạo phục vụ tốt công tác đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa..... - Phí, lệ phí: + Phí sát hạch và thi cấp bằng thuyền trưởng Hạng ba: 170.000đồng/lần; + Phí sát hạch và thi cấp bằng máy trưởng hạng	



				ba:140.000đồng/lần; + Lệ phí: 50.000 đồng. - Số lượng giải quyết hàng năm:15.000 hồ sơ.	
2	Cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng hạng ba, hạng tư, máy trưởng hạng ba và chứng chỉ nghiệp vụ (đối với địa phương chưa có cơ sở dạy nghề) và chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản thuộc Sở Giao thông vận tải.		x	- Có Doanh nghiệp có khả năng đáp ứng yêu cầu (mạng lưới cơ sở đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa được hình thành và phát triển mạnh mẽ rộng khắp trên toàn quốc, phân bố trên các miền Bắc, Trung, Nam; có 34 cơ sở; cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật, đội ngũ giáo viên, nội dung, chương trình đào tạo phục vụ tốt công tác đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa..... - Phí, lệ phí: + Lệ phí cấp, đổi GCNKNCM: 50.000đồng/lần; + Lệ phí cấp, chứng chỉ chuyên môn: 20.000 đồng/lần. - Số lượng giải quyết hàng năm:1.500 hồ sơ.	
3	Dự thi lấy giấy chứng nhận khả		x	- Có Doanh nghiệp có khả năng đáp ứng yêu	<i>Trên cơ sở kết quả triển khai giai đoạn</i>

	<p>năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhất, hạng nhì trong phạm vi toàn quốc; Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn từ thuyền trưởng hạng tư, máy trưởng hạng ba trở lên đối với các cơ sở dạy nghề trực thuộc Cục Đường thủy nội địa Việt Nam và dự kiểm tra lấy chứng chỉ chuyên môn đặc biệt</p>		<p>cầu (mạng lưới cơ sở đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa được hình thành và phát triển mạnh mẽ rộng khắp trên toàn quốc, phân bố trên các miền Bắc, Trung, Nam – 34 cơ sở; cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật, đội ngũ giáo viên, nội dung, chương trình đào tạo phục vụ tốt công tác đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa.....</p> <p>- Phí, lệ phí:</p> <p>+ Phí sát hạch và thi cấp bằng thuyền trưởng hạng nhất: 220.000 đồng/lần</p> <p>+ Phí sát hạch và thi cấp bằng thuyền trưởng hạng nhì: 200.000 đồng/lần;</p> <p>+ Phí sát hạch và thi cấp bằng thuyền trưởng hạng ba: 170.000 đồng/lần;</p> <p>+ Phí sát hạch và thi cấp bằng máy trưởng hạng nhất: 200.000 đồng/lần;</p>	<p>2019 - 2021 sẽ tiến hành tổng kết, nghiên cứu, đánh giá để tiếp tục chuyển giao cho các cơ sở đào tạo có đủ năng lực đảm nhiệm các dịch vụ hành chính công mà các cơ quan hành chính nhà nước không nhất thiết phải nắm giữ</p>
--	---	--	---	--

				<p>+ Phí sát hạch và thi cấp bằng máy trường hạng nhì: 170.000 đồng/lần;</p> <p>+ Phí sát hạch và thi cấp bằng máy trường hạng ba: 140.000 đồng/lần;</p> <p>+ Lệ phí: 50.000 đồng/Giấy.</p> <p>- Số lượng giải quyết hàng năm: 10.000 hồ sơ.</p>	
4	<p>Cấp, cấp lại, chuyển đổi Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trường hạng nhất, hạng nhì trong phạm vi toàn quốc; Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng từ hạng tư trở lên, máy trường từ hạng ba trở lên đối với các cơ sở dạy nghề trực thuộc Cục Đường thủy nội địa Việt</p>		x	<p>- Có Doanh nghiệp: có khả năng đáp ứng yêu cầu (mạng lưới cơ sở đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa được hình thành và phát triển mạnh mẽ rộng khắp trên toàn quốc, phân bố trên các miền Bắc, Trung, Nam – 34 cơ sở; cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật, đội ngũ giáo viên, nội dung, chương trình đào tạo phục vụ tốt công tác đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa.....</p> <p>- Phí, lệ phí:</p>	<p><i>Trên cơ sở kết quả triển khai giai đoạn 2019 - 2021 sẽ tiến hành tổng kết, nghiên cứu, đánh giá để tiếp tục chuyển giao cho các cơ sở đào tạo có đủ năng lực đảm nhiệm các dịch vụ hành chính công mà các cơ quan hành chính nhà nước không nhất thiết phải nắm giữ</i></p>

	Nam và chứng chỉ chuyên môn đặc biệt			<p>+ Lệ phí cấp, đổi GCNKNCM: 50.000đồng/lần;</p> <p>+ Lệ phí cấp, đổi chứng chỉ chuyên môn: 20.000 đồng/lần.</p> <p>- Số lượng giải quyết hàng năm: 1.000 hồ sơ.</p>	
<b>III- Lĩnh vực hàng không</b>					
1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kỹ thuật đối với thiết bị, phương tiện chuyên ngành hàng không được sản xuất, lắp ráp, cải tiến tại Việt Nam (GCN)	x		<p>- Các doanh nghiệp đáp ứng: thủ tục này sẽ được chuyển giao cho tổ chức tư nhân kiểm định chất lượng (có đủ điều kiện, được cấp GP theo quy định của PL).</p> <p>- Phí, lệ phí:</p> <p>+ Lệ phí: Thiết bị đồng bộ: 30.000.000đồng/lần.</p> <p>+ Thiết bị lẻ, vật tư khác: 5.000.000 đồng/lần.</p> <p>- Số lượng giải quyết hàng năm: trung bình 16 hồ sơ/năm.</p>	<p><i>Chuyển giao một phần việc thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức tư nhân kiểm định chất lượng (có đủ điều kiện, được cấp Giấy phép theo quy định của pháp luật). Tổ chức kiểm định sẽ thực hiện kiểm định đối với thiết bị, phương tiện và Cục Hàng không VN sẽ thực hiện Cấp Giấy chứng nhận</i></p>
<b>IV- Lĩnh vực đường bộ</b>					
1	Cấp chứng chỉ Thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ		x	<p>- Các doanh nghiệp đáp ứng: Hiện nay có 5 cơ sở đào tạo thẩm tra đều đáp ứng năng lực để cấp chứng chỉ thẩm tra viên.</p> <p>- Lệ phí: Không có</p>	

				- Số lượng giải quyết hàng năm: 215 hồ sơ.
2	Cấp đổi chứng chỉ Thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ		x	- Các doanh nghiệp đáp ứng: Hiện nay có 5 cơ sở đào tạo thẩm tra đều đáp ứng năng lực để cấp chứng chỉ thẩm tra viên. - Lệ phí: Không có - Số lượng giải quyết hàng năm: 25 hồ sơ.
3	Cấp lại chứng chỉ Thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ		x	- Các doanh nghiệp đáp ứng: Hiện nay có 5 cơ sở đào tạo thẩm tra đều đáp ứng năng lực để cấp chứng chỉ thẩm tra viên. - Lệ phí: Không có - Số lượng giải quyết hàng năm: 50 hồ sơ.
<b>V- Lĩnh vực đăng kiểm (Tiếp tục duy trì các thủ tục đã xã hội hóa)</b>				
<b>VI - Lĩnh vực hàng hải (Tiếp tục duy trì các thủ tục đã xã hội hóa)</b>				

## **VI. Đánh giá tác động**

1. Việc chuyển giao dịch vụ hành chính công trong lĩnh vực giao thông vận tải cho doanh nghiệp và tổ chức được tiến hành với mô hình nhà nước vẫn thực hiện song song các thủ tục hành chính cùng với doanh nghiệp nên trước mắt khi triển khai trên thực tế sẽ vẫn bảo đảm hoạt động bình thường của việc giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp, không làm phát sinh khoảng trống, không có tình trạng thiếu hụt tạm thời do số lượng doanh nghiệp tham gia chưa nhiều.

2. Người dân, doanh nghiệp sẽ có thêm quyền lựa chọn phương thức phù hợp nhất với điều kiện, nhu cầu của mình (hoặc đến trực tiếp cơ quan nhà nước hoặc thông qua dịch vụ của doanh nghiệp). Việc thông qua dịch vụ của doanh



nghiệp có thể làm phát sinh thêm chi phí dịch vụ nhưng bù lại có thể tiết kiệm thời gian, chi phí đi lại,....

3. Việc xây dựng cơ chế, hành lang pháp lý cần nhiều thời gian do phải xây dựng tiêu chí cụ thể đối với doanh nghiệp, tổ chức tham gia cung ứng dịch vụ hành chính công, có thể cần bổ sung danh mục điều kiện kinh doanh và phải trình Chính phủ, Quốc hội thông qua. Điều này sẽ dẫn đến độ trễ trong triển khai trên thực tế vì phải chờ đợi văn bản quy phạm pháp luật. Tuy nhiên, trong khi chờ đợi có các quy định cụ thể, việc cung cấp thông tin, tuyên truyền sớm về chính sách là cần thiết để định hướng cho các doanh nghiệp có nhu cầu tham gia làm sơ sở để xây dựng kế hoạch, chuẩn bị các điều kiện cần thiết đáp ứng yêu cầu.

## **VII. Giải pháp**

### **1. Đối với việc chuyển giao thực hiện tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính theo quy định tại Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg**

Thông kê, tổng kết và đánh giá hiệu quả việc tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính trong lĩnh vực giao thông vận tải trong thời gian qua.

Trên cơ sở đó, tiếp tục rà soát, nghiên cứu để xây dựng, ban hành Quyết định mới thay thế Quyết định số 2244/QĐ-BGTVT ngày 31/7/2017 của Bộ trưởng về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải.

Sau khi Quyết định được ban hành, các cơ quan, đơn vị giải quyết thủ tục hành chính ký kết thỏa thuận với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bưu chính để triển khai thực hiện.

### **2. Đối với việc chuyển giao nhiệm vụ, dịch vụ hành chính công khác**

a) Nghiên cứu, đề xuất cơ quan có thẩm quyền ban hành tiêu chí cho các đơn vị tham gia cung ứng dịch vụ hành chính công đối với từng thủ tục cụ thể, trường hợp cần thiết phải bổ sung danh mục điều kiện kinh doanh đối với các doanh nghiệp tham gia cung ứng dịch vụ hành chính công trong lĩnh vực giao thông vận tải trình Chính phủ, Quốc hội thông qua.

Xây dựng cơ chế kiểm tra, giám sát đối với hoạt động của các doanh nghiệp, tổ chức tham gia cung ứng dịch vụ hành chính công trong lĩnh vực giao thông vận tải.

b) Xây dựng cơ chế khuyến khích, ưu tiên đối với các doanh nghiệp, tổ chức tham gia thực hiện trong thời gian đầu triển khai (ví dụ: ưu đãi về thuế, hỗ trợ trong việc đào tạo nguồn nhân lực, hỗ trợ trong công tác truyền thông đưa thương hiệu của doanh nghiệp đến người sử dụng dịch vụ,...).

c) Sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan:

- Lĩnh vực đường sắt: Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 33/2018/TT-BGTVT ngày 15/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền hạn đối với chức danh nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu; nội dung, chương trình đào tạo chức danh nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu; điều kiện, nội dung, quy trình sát hạch và cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép lái tàu trên đường sắt.

- Lĩnh vực đường thủy nội địa: Xây dựng Thông tư sửa đổi, bổ sung các Thông tư: Thông tư số 56/2014/TT-BGTVT ngày 24/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, Chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên, người lái phương tiện và đảm nhiệm chức danh thuyền viên phương tiện thủy nội địa; Thông tư số 02/2017/TT-BGTVT ngày 20/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BGTVT ngày 24/10/2014.

- Lĩnh vực hàng không: Xây dựng Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay.

- Lĩnh vực đường bộ: Xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 64/2016/NĐ-CP của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

c) Tuyên truyền, phổ biến

- Xây dựng kế hoạch tuyên truyền, phổ biến chính sách, kêu gọi các doanh nghiệp tham gia cung ứng dịch vụ hành chính công trong lĩnh vực GTVT, đặc biệt là các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực giao thông vận tải và Doanh nghiệp trong lĩnh vực bưu chính, cụ thể:

+ Thông tin về các lĩnh vực, danh mục cụ thể các thủ tục hành chính được lựa chọn để chuyển giao cho các doanh nghiệp cùng thực hiện.

+ Thông tin về định hướng các yêu cầu, điều kiện mà doanh nghiệp khi muốn tham gia cần phải đáp ứng.

- Tuyên truyền cho người dân các nội dung xã hội hoá dịch vụ hành chính công một cách thường xuyên, sinh động, đa dạng và hiệu quả trên các phương tiện truyền thông (thông tin về các thủ tục hành chính được chuyển giao cho doanh nghiệp cùng thực hiện, phương thức tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ của doanh nghiệp, lợi ích khi sử dụng dịch vụ hành chính công thông qua doanh nghiệp). Qua đó, người dân, tổ chức biết đến dịch vụ hành chính công thực hiện xã hội hóa và các lợi ích của các dịch vụ đó đem lại, để tham gia tích cực trong việc sử dụng các dịch vụ này.

d) Kiểm tra, giám sát

Dịch vụ hành chính công là những hoạt động của nhà nước để định hướng, điều tiết các hành vi của công dân và tổ chức trong xã hội theo một trật

tự do nhà nước quy định. Do vậy, để đảm bảo cho việc quản lý nhà nước cần phải tăng cường kiểm tra, giám sát đối với các doanh nghiệp, tổ chức xã hội trong việc thực hiện dịch vụ hành chính công.

Đối với những dịch vụ đã thực hiện chuyển giao cho doanh nghiệp trong thời gian vừa qua, cần tiến hành khảo sát, đánh giá cụ thể và nghiên cứu cơ chế kiểm soát của nhà nước cho phù hợp, đảm bảo ngăn chặn nguy cơ phát sinh tiêu cực trong giải quyết thủ tục hành chính, đặc biệt những tiêu cực bắt nguồn từ mục đích lợi nhuận.

Trên cơ sở kết quả đánh giá nêu trên, tiến hành rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan để quy định chế độ thông tin, báo cáo và trách nhiệm giải trình của các đơn vị thực hiện dịch vụ. Xây dựng cơ chế giám sát và đẩy mạnh công tác kiểm tra, thanh tra để kịp thời xử lý nghiêm, kịp thời những hiện tượng tiêu cực trong hoạt động cung cấp dịch vụ hành chính công.

## PHẦN 4. TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ LỘ TRÌNH

### 1. Văn phòng Bộ

a) Chủ trì, phối hợp với các Vụ, Cục, Tổng cục xây dựng, trình Bộ trưởng ban hành Quyết định thay thế Quyết định số 2244/QĐ-BGTVT công bố danh mục thủ tục hành chính thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải – Thời gian thực hiện trong năm 2019.

b) Theo dõi, đôn đốc các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc triển khai thực hiện Đề án, tổng kết kết quả thực hiện Đề án.

### 2. Vụ Pháp chế

Tổng hợp vào Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Bộ việc sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật tại Mục III phù hợp với lộ trình thực hiện.

### 3. Các Cục, Tổng Cục

a) Xây dựng Đề án chi tiết đối với từng nhóm thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực do cơ quan, đơn vị mình phụ trách để triển khai thực hiện, trong đó:

- Nghiên cứu, xây dựng các tiêu chí cho doanh nghiệp tham gia cung ứng đối với từng dịch vụ hành chính công.

- Đề xuất sửa đổi, bổ sung nội dung cụ thể của các văn bản quy phạm pháp luật (hệ thống pháp luật về giao thông vận tải cũng như pháp luật về đầu tư).

- Xây dựng cơ chế khuyến khích, ưu tiên đối với các doanh nghiệp, tổ chức tham gia thực hiện trong thời gian đầu triển khai (ví dụ: ưu đãi về thuế, hỗ trợ trong việc đào tạo nguồn nhân lực, hỗ trợ trong công tác truyền thông đưa thương hiệu của doanh nghiệp đến người sử dụng dịch vụ,...).

Thời gian thực hiện năm 2019.

b) Xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch tuyên truyền, phổ biến về chính sách chuyển giao các dịch vụ hành chính công trong lĩnh vực do cơ quan, đơn vị mình phụ trách cho các doanh nghiệp, tổ chức có đủ năng lực thực hiện – Thời gian thực hiện giai đoạn 2019-2021.

c) Phối hợp với Tổng công ty Bưu chính Việt Nam trong việc tập huấn cho nhân viên Bưu điện trong việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (*Thường xuyên*).

d) Báo cáo tình hình thực hiện Đề án khi có yêu cầu.



**PHỤ LỤC**

**DANH MỤC TTHC THỰC HIỆN ĐƯỢC VIỆC TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ  
QUA HỆ THỐNG BƯU CHÍNH CÔNG ÍCH  
THUỘC LĨNH VỰC GIAO THÔNG VẬN TẢI**

*(Kèm theo Quyết định số: 2244/QĐ-BGTVT ngày 31 tháng 7 năm 2017)*

STT	Tên TTHC	Hình thức tiếp nhận HS		Hình thức trả kết quả		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		Có thể tiếp nhận qua dịch vụ bưu chính	Không tiếp nhận qua dịch vụ bưu chính	Có thể trả qua dịch vụ bưu chính	Không trả qua dịch vụ bưu chính		
<b>I- Lĩnh vực đường bộ</b>							
1	Cấp Giấy phép liên vận Việt Nam - Lào cho phương tiện	x		x		Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT	
2	Cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt - Lào	x		x		Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT	
3	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng lần đầu		x	x		Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT; Thông tư số 59/2011/TT-BGTVT	
4	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có thời hạn		x	x		Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT; Thông tư số 59/2011/TT-BGTVT	
5	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng		x	x		Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT; Thông tư số	

						59/2011/TT-BGTVT	
6	Cấp Giấy chứng nhận, đăng ký xe máy chuyên dùng tạm thời		x	x		Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT; Thông tư số 59/2011/TT-BGTVT	
7	Sang tên đăng ký xe máy chuyên dùng cho tổ chức, cá nhân do cùng một Sở Giao thông vận tải quản lý		x	x		Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT; Thông tư số 59/2011/TT-BGTVT	
8	Xóa số đăng ký xe máy chuyên dùng		x	x		Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT; Thông tư số 59/2011/TT-BGTVT	
9	Di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng		x	x		Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT; Thông tư số 59/2011/TT-BGTVT	
10	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng cho chủ sở hữu xe máy chuyên dùng di chuyển đến		x	x		Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT; Thông tư số 59/2011/TT-BGTVT	
11	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng bị mất		x	x		Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT; Thông tư số 59/2011/TT-	

						BGTVT	
12	Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô	x		x		Nghị định số 86/2014/NĐ-CP	
13	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô	x		x		Nghị định số 86/2014/NĐ-CP	
14	Cấp phù hiệu xe nội bộ, xe trung chuyển, xe taxi, xe hợp đồng, xe vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, xe kinh doanh vận tải hàng hóa, xe kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt	x		x		Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT	
15	Cấp lại phù hiệu xe nội bộ, xe trung chuyển, xe taxi, xe hợp đồng, xe vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, xe kinh doanh vận tải hàng hóa, xe kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt	x		x		Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT	
16	Cấp biển hiệu xe ô tô vận tải khách du lịch	x		x		Thông tư liên tịch số 19/2015/TTLT-BGTVT-BVHTTDL	
17	Cấp lại biển hiệu xe ô tô vận tải khách du lịch	x		x		Thông tư liên tịch số 19/2015/TTLT-BGTVT-BVHTTDL	
18	Cấp đổi biển hiệu xe ô tô vận tải khách du lịch	x		x		Thông tư liên tịch số 19/2015/TTLT-BGTVT-BVHTTDL	

19	Cấp giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ	x		x		Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT	
20	Cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo	x		x		Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT	
21	Cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo	x		x		Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT	
22	Gia hạn Giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam và thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào và Campuchia		x	x		Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT	
23	Cấp Giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam	x		x		Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT	
24	Cấp Giấy phép liên vận Việt - Lào	x		x		Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT	
25	Cấp lại Giấy phép liên vận Việt - Lào cho phương tiện	x		x		Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT	
26	Cấp đổi, cấp lại Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng	x		x		Thông tư số 06/2011/TT-BGTVT	
27	Gia hạn Giấy phép vận tải và thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia	x		x		Thông tư số 39/2015/TT-BGTVT	
28	Cấp Giấy phép liên vận Việt Nam - Campuchia	x		x		Thông tư số 39/2015/TT-BGTVT	

29	Công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác	x		x		Thông tư số 48/2012/TT-BGTVT	
30	Công bố lại đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác	x		x		Thông tư số 48/2012/TT-BGTVT	
31	Công bố đưa bến xe khách vào khai thác	x		x		Thông tư số 49/2012/TT-BGTVT	
32	Công bố lại đưa bến xe khách vào khai thác	x		x		Thông tư số 49/2012/TT-BGTVT	
33	Công bố đưa bến xe hàng vào khai thác	x		x		Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT	
34	Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định liên vận quốc tế giữa Việt Nam - Lào - Campuchia	x		x		Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT	
35	Cấp Giấy phép đào tạo lái xe ô tô	x		x		Nghị định số 65/2016/NĐ-CP	
36	Cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô	x		x		Nghị định số 65/2016/NĐ-CP	
37	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe	x		x		Nghị định số 65/2016/NĐ-CP	
38	Cấp, cấp lại Giấy phép xe tập lái	x		x		Nghị định số 65/2016/NĐ-CP	
39	Cấp mới, cấp lại giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 3	x		x		Nghị định số 65/2016/NĐ-CP	
40	Chấp thuận bố trí mặt bằng tổng thể hình sát hạch trung tâm sát hạch loại 1, loại 2	x		x		Nghị định số 65/2016/NĐ-CP	



41	Cấp giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 1, loại 2 đủ điều kiện hoạt động	x		x		Nghị định số 65/2016/NĐ-CP	
42	Cấp phép thi công nút giao đầu nối vào các tuyến đường	x		x		Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT	
43	Cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đang khai thác	x		x		Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT	
44	Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với quốc lộ đang khai thác	x		x		Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT	
45	Cấp phép thi công công trình đường bộ trên quốc lộ đang khai thác	x		x		Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT	
46	Chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức thi công của nút giao đầu nối vào quốc lộ	x		x		Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT	
47	Chấp thuận, cấp phép xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ đối với hệ thống quốc lộ đang khai thác	x		x		Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT	
48	Gia hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với quốc lộ đang khai thác	x		x		Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT	
49	Gia hạn chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức thi công nút giao đầu nối vào quốc lộ	x		x		Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT	

50	Cấp, cấp lại giấy phép lái xe quốc tế - IDP		x	x		Thông tư số 29/2015/TT-BGTVT	
51	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận Việt Nam - Campuchia	x		x		Thông tư số 39/2015/TT-BGTVT	
52	Chấp thuận bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa hai nước Việt Nam và Trung Quốc	x		x		Thông tư số 23/2012/TT-BGTVT	
<b>II- Lĩnh vực đường sắt</b>							
1	Cấp, cấp lại Chứng chỉ an toàn đối với doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt	x		x		Thông tư số 30/2014/TT-BGTVT	
2	Cấp, cấp lại Chứng chỉ an toàn đối với doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt	x		x		Thông tư số 30/2014/TT-BGTVT	
3	Sát hạch cấp mới, cấp lại giấy phép lái tàu	x		x		Thông tư số 76/2015/TT-BGTVT	
4	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký lần đầu, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký cho phương tiện giao thông đường sắt	x		x		Thông tư số 01/2013/TT-BGTVT	
5	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký cho phương tiện giao thông đường sắt trong trường hợp mất, hư hỏng giấy chứng nhận đăng ký	x		x		Thông tư số 01/2013/TT-BGTVT	
6	Quyết định bãi bỏ đường ngang	x		x		Thông tư số 62/2015/TT-BGTVT	
7	Cấp giấy phép xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp đường ngang	x		x		Thông tư số 62/2015/TT-BGTVT	

8	Gia hạn giấy phép xây dựng mới, cải tạo nâng cấp đường ngang	x		x		Thông tư số 62/2015/TT-BGTVT	
9	Cấp Giấy phép thi công xây dựng công trình trong phạm vi bảo vệ công trình đường sắt	x		x		Quyết định số 60/2005/QĐ-BGTVT; Thông tư số 28/2011/TT-BGTVT	
10	Gia hạn giấy phép thi công xây dựng công trình trong phạm vi bảo vệ công trình đường sắt	x		x		Quyết định số 60/2005/QĐ-BGTVT; Thông tư số 28/2011/TT-BGTVT	
<b>III- Lĩnh vực đường thủy nội địa</b>							
1	Cấp giấy phép vận tải thủy qua biên giới Việt Nam - Campuchia cho phương tiện	x		x		Thông tư số 08/2012/TT-BGTVT; Thông tư số 03/2013/TT-BGTVT	
2	Cấp lại giấy phép vận tải thủy qua biên giới Việt Nam - Campuchia cho phương tiện	x		x		Thông tư số 08/2012/TT-BGTVT; Thông tư số 03/2013/TT-BGTVT	
3	Gia hạn thời gian lưu lại lãnh thổ Việt Nam cho phương tiện vận tải thủy của Campuchia		x	x		Thông tư số 08/2012/TT-BGTVT; Thông tư số 03/2013/TT-BGTVT	
4	Chấp thuận vận tải hành khách, hành lý, bao gửi theo tuyến cố định đối với	x		x		Thông tư số 80/2014/TT-BGTVT	

	tổ chức, cá nhân có vốn đầu tư nước ngoài					
5	Chấp thuận vận tải hành khách, hành lý, bao gửi theo tuyến cố định đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam	x		x		Thông tư số 80/2014/TT-BGTVT
6	Chấp thuận vận tải hành khách ngang sông	x		x		Thông tư số 80/2014/TT-BGTVT
7	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở dạy nghề thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa từ hạng ba trở lên, chứng chỉ chuyên môn trong phạm vi toàn quốc và các cơ sở dạy nghề trực thuộc Cục	x		x		Thông tư số 57/2014/TT-BGTVT
8	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở dạy nghề thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa từ hạng ba trở lên, chứng chỉ chuyên môn trong phạm vi toàn quốc và các cơ sở dạy nghề trực thuộc Cục Đường thủy nội địa Việt Nam	x		x		Thông tư số 57/2014/TT-BGTVT
9	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	x		x		Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT
10	Đăng ký lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	x		x		Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT
11	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	x		x		Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT

12	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	x		x		Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT
13	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	x		x		Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT
14	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	x		x		Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT
15	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	x		x		Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT
16	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	x		x		Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT
17	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa do bị mất, hỏng	x		x		Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT
18	Xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	x		x		Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT
19	Dự thi lấy Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhất, hạng nhì trong phạm vi toàn quốc; Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng từ hạng tư trở lên, máy trưởng từ hạng ba trở lên đối với các cơ sở dạy nghề trực	x		x		Thông tư số 56/2014/TT-BGTVT



	thuộc Cục Đường thủy nội địa và dự kiểm tra lấy chứng chỉ chuyên môn đặc biệt					
20	Cấp, cấp lại, chuyển đổi Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhất, hạng nhì trong phạm vi toàn quốc; Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng từ hạng tư trở lên, máy trưởng từ hạng ba trở lên đối với các cơ sở dạy nghề trực thuộc Cục Đường thủy nội địa và chứng chỉ chuyên môn đặc biệt	x		x		Thông tư số 56/2014/TT-BGTVT
21	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở dạy nghề thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa hạng tư, chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản, chứng chỉ nghiệp vụ trong phạm vi địa phương	x		x		Nghị định số 78/2016/NĐ-CP
22	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở dạy nghề thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa hạng tư, chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản, chứng chỉ nghiệp vụ	x		x		Nghị định số 78/2016/NĐ-CP
23	Dự thi, kiểm tra lấy giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng hạng ba, hạng tư, máy trưởng hạng ba, chứng chỉ chuyên môn nghiệp vụ (đối với địa phương chưa có cơ sở dạy nghề) và chứng chỉ huấn	x		x		Thông tư số 56/2014/TT-BGTVT

	luyện an toàn cơ bản thuộc Sở Giao thông vận tải						
24	Cấp, cấp lại, chuyển đổi Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng hạng ba, hạng tư, máy trưởng hạng ba và chứng chỉ nghiệp vụ (đối với địa phương chưa có cơ sở dạy nghề), chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản thuộc thẩm quyền của Sở Giao thông vận tải	x		x		Thông tư số 56/2014/TT-BGTVT	
25	Cấp, cấp lại, chuyển đổi chứng chỉ nghiệp vụ và chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản thuộc thẩm quyền của Cơ sở dạy nghề	x		x		Thông tư số 56/2014/TT-BGTVT	
26	Dự kiểm tra lấy chứng chỉ nghiệp vụ và chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản	x		x		Thông tư số 56/2014/TT-BGTVT	
27	Cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật về bảo vệ môi trường cho tất cả các loại phương tiện thủy nội địa	x		x		Thông tư số 48/2015/TT-BGTVT	
28	Chấp thuận chủ trương xây dựng cảng thủy nội địa	x		x		Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT	
29	Công bố hoạt động cảng thủy nội địa, đối với đường thủy nội địa quốc gia ủy quyền quản lý, đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương	x		x		Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT	
30	Công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa, đối với đường thủy nội địa quốc	x		x		Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT	

	gia ủy quyền quản lý, đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương						
31	Chấp thuận chủ trương xây dựng bến thủy nội địa	x		x		Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT	
32	Cấp giấy phép hoạt động bến thủy nội địa	x		x		Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT	
33	Cấp lại giấy phép hoạt động bến thủy nội địa	x		x		Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT	
34	Cho ý kiến dự án xây dựng công trình liên quan đến giao thông đường thủy nội địa địa phương; đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường Thủy nội địa địa phương	x		x		Thông tư số 15/2016/TT-BGTVT	
35	Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông đối với công trình liên quan đến giao thông đường thủy nội địa địa phương; đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương	x		x		Thông tư số 15/2016/TT-BGTVT	
36	Công bố đóng, mở luồng, tuyến đường thủy nội địa chuyên dùng	x			x	Thông tư số 15/2016/TT-BGTVT	
37	Cho ý kiến trong giai đoạn lập dự án đầu tư xây dựng công trình bảo đảm an ninh, quốc phòng trên đường thủy nội địa địa phương	x		x		Thông tư số 15/2016/TT-BGTVT	

38	Cho ý kiến trong giai đoạn lập dự án đầu tư xây dựng công trình trên tuyến đường thủy nội địa địa phương; đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương	x				Thông tư số 15/2016/TT-BGTVT
39	Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông đối với các công trình thi công liên quan đến đường thủy nội địa địa phương; đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương	x				Thông tư số 15/2016/TT-BGTVT
40	Chấp thuận vận tải hành khách, hành lý, bao gửi theo tuyến cố định bằng tàu cao tốc đối với tổ chức, cá nhân VN	x				Thông tư số 66/2014/TT-BGTVT
41	Chấp thuận cho tàu khách cao tốc vận tải hành khách, hành lý, bao gửi theo hợp đồng chuyến	x				Thông tư số 66/2014/TT-BGTVT
42	Chấp thuận cho tàu khách cao tốc vận tải hành khách, hành lý, bao gửi không có mục đích kinh doanh	x				Thông tư số 66/2014/TT-BGTVT
43	Cấp biển hiệu phương tiện thủy vận chuyển khách du lịch	x				Thông tư liên tịch số 02/2016/TTLT-BGTVT-BVHTTDL

**Ghi chú:** Đối với các thủ tục cấp, đổi Giấy phép lái xe được thực hiện theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ và các văn bản về triển khai thí điểm.